

THƯỜNG THỨC TÔN GIÁO

QUAN NIỆM VỀ TÌNH YÊU TRONG KINH THÁNH CÔNG GIÁO

Vũ Văn Hiếu*

Dẫn nhập

Xét dưới góc độ đạo đức học, mỗi học thuyết tôn giáo đều có một quan niệm mang tính hạt nhân, từ đó triển khai hệ thống tư tưởng đạo đức. Đối với Kitô giáo, nếu dùng một từ có thể toát yếu tư tưởng đạo đức thì đó là “Tình yêu”. Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nhận định về học thuyết của các tôn giáo lớn, đã nói: “Tôn giáo Giêsu có ưu điểm của nó là lòng nhân ái cao cả”¹. Nhận thức các phương diện quan niệm về tình yêu trong Kinh Thánh có ý nghĩa quan trọng trong việc tiếp cận học thuyết Kitô giáo và tâm thế sống đạo của người Kitô hữu. Trong bài viết này, người viết phác thảo những nét cơ bản nhất quan niệm về tình yêu trong Kinh Thánh Công giáo, có tính chất gợi ý về phương pháp tiếp cận học thuyết Kitô giáo và đời sống đạo của người Kitô hữu.

Quan niệm về tình yêu trong Kinh Thánh

Khái niệm “tình yêu”² trong Kinh Thánh thường được nhấn mạnh với tính cách một nghĩa vụ đạo đức trung tâm của Kitô giáo (“Mười Điều Răn” trong sách Cựu Ước cũng tóm về điều răn “Mến Chúa - yêu người”; sách Tân Ước đề cập đến “Điều Răn Mới” của Đức Giêsu: “Thầy ban cho anh em một điều răn mới là anh em hãy yêu thương nhau; anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em”(Ga 13,34)³). Nhưng, quan niệm “tình yêu” được thể hiện trong Kinh Thánh còn bao hàm khía cạnh trọng yếu khác.

Tình yêu là sự mặc khải⁴ về Thiên Chúa

Theo các nhà chú giải Kinh Thánh, toàn bộ nội dung Kinh Thánh là sự diễn tả về Thiên Chúa và tình yêu của Thiên Chúa dành cho con người.

* Ban Tôn giáo Chính phủ

Thiên Chúa là tình yêu

Đi tìm lời đáp cho câu hỏi: Thiên Chúa là Đấng như thế nào? Là một trong những nội dung trọng tâm của suy tư thần học Kitô giáo. Suy tư này đặt nền tảng trên đức tin và Kinh Thánh, vận dụng tối đa sự khôn ngoan của lý trí tự nhiên, những trải nghiệm của cộng đoàn Giáo hội và một đời sống dẫn thân của nhà thần học. Tuy nhiên, theo Thomas Aquinas (1225 - 1274), thần học gia vĩ đại của Kitô giáo, thì con người không thể nói Thiên Chúa là gì, mà chỉ có thể nói Thiên Chúa không là gì; cũng không thể nói Thiên Chúa như thế nào, mà chỉ có thể nói Thiên Chúa không như thế nào. Điều này muốn diễn tả sự vô cùng của Thiên Chúa, trước lý trí có giới hạn của con người. Tuy nhiên, Kinh Thánh đã cung cấp một “chìa khóa” để có thể hiểu phần nào về Thiên Chúa, đó chính là “tình yêu”. Tình yêu phản ánh bản tính và hành vi của Thiên Chúa.

Một trong ba “mầu nhiệm”⁵ chính trong Kitô giáo là mầu nhiệm Tam vị nhất thể (Một Chúa Ba Ngôi). Thiên Chúa là ba ngôi vị trong một bản tính duy nhất. Điều này thách thức những bộ óc vĩ đại nhất trong lịch sử tư tưởng Kitô giáo. Tuy nhiên, nhà thần học Augustino (354 - 430) trên cơ sở Kinh Thánh đã nêu ra một lối tiếp cận, đó là “tình yêu”. Ông viết: “Nếu bạn thấy tình yêu thì bạn thấy Tam vị”⁶. Tình yêu tuyệt đối chính là xung lực hiệp nhất ba ngôi vị. Thiên Chúa Ba Ngôi có nghĩa là Thiên Chúa yêu thương. Thiên Chúa không phải Đấng đơn độc lẻ loi, nhưng là đấng yêu thương.

Tình yêu Thiên Chúa dành cho con người

Kinh Thánh định nghĩa: “Thiên Chúa là tình yêu” (1Ga 4, 16). Tất cả những hoạt động của Thiên Chúa biểu lộ bản tính của ngài là tình yêu. Từ tình yêu tạo dựng: Trong tình trạng hạnh phúc và tình yêu sung mãn nội tại, Thiên Chúa tạo dựng vũ trụ, muôn loài, trong đó, con người là chóp đỉnh để con người được thông phần hạnh phúc, sống trong tình yêu. Đến tình yêu cứu chuộc: Khi con người lạm dụng tự do, chống lại những nguyên lý của sự sống và hạnh phúc đã được Thiên Chúa thiết lập, Thiên Chúa đã đến cư ngụ giữa loài người, và hy sinh cứu chuộc loài người. Tình yêu của Thiên Chúa dành cho con người đạt đến đỉnh điểm nơi mầu nhiệm nhập thể: Nơi đức Kitô, con

người có thể cảm nghiệm được tình yêu của Thiên Chúa dành cho nhân loại (x. Rm 8, 39).

Trong Kinh Thánh, Thiên Chúa nói với con người bằng ngôn ngữ tình yêu của loài người: tình cha (x. Gr 21, 30), tình mẹ (x. Is 49, 75; Hs 11, 1-4), và đặc biệt là tình vợ - chồng. Nhiều đoạn trong Kinh Thánh đã so sánh tình yêu của Thiên Chúa dành cho dân Israel như mối tình phu thê. Ngài cũng “ghen” khi thấy dân này chạy theo các ngẫu thần (x. Xh 34, 14; Hs 2, 4). Đặc biệt, sách *Diễm ca* thuộc quy điển Kinh Thánh, nội dung nói về tình yêu nồng nhiệt giữa người con trai và người con gái, là hình ảnh diễn tả tình yêu giữa Thiên Chúa với con người. Đức Kitô được ví như Tân Lang, Giáo hội như Tân Nương (Hiền Thê). Nói tóm lại, những mối tình cao đẹp của con người đã được dùng để diễn tả tình yêu của Thiên Chúa với con người, cũng như tình yêu của con người với Thiên Chúa.

Tình yêu là đòi hỏi đáp trả của con người

Tin vào tình yêu

Kinh Thánh là lời mời gọi con người sống trong tình yêu. Dường như yêu mến thuộc lĩnh vực hành động (luân lý); tuy nhiên, vì tình yêu là sự mặc khải về chính Thiên Chúa (đối tượng của đức tin), nên nó lại thuộc lĩnh vực “tín lý”. Kinh Thánh viết: “Còn chúng ta, chúng ta biết tình yêu của Thiên Chúa nơi chúng ta, và đã tin vào tình yêu đó” (1Ga 4, 16). Đối với Kitô giáo, tin vào Thiên Chúa không chỉ có nghĩa là tin rằng Ngài hiện hữu mà còn tin rằng Ngài là tình yêu. Thiên Chúa là tình yêu có nghĩa là Ngài yêu thương trong mọi hành động.

Giới răn yêu thương

Trong Cựu Ước, lệnh truyền của Thiên Chúa qua ông Mô-sê có khá nhiều. Nhưng đặc biệt nhất, là Thập giới mà những người Việt Nam thời xưa đã rất tinh tế khi chuyển dịch cách nhẹ nhàng là “Mười điều răn”, chứ không phải là “Mười lệnh truyền”. Tuy nhiên, khi đức Kitô đến, tất cả vẻ nặng nề của lệnh truyền đã biến mất, chỉ còn giản lược hai điều “mến Chúa yêu người”. Thậm chí Đức Giêsu còn quả quyết: mến Chúa là “điều răn quan trọng nhất”, điều răn thứ nhất, song điều

răn thứ hai “cũng giống như” điều răn thứ nhất là: “ngươi phải yêu người thân cận như chính mình”. Và Đức Giêsu kết luận: “Tất cả Luật Mô-sê và các sách ngôn sứ đều tùy thuộc vào hai điều răn ấy” (x. Mt 22, 37-40). Theo quan điểm Kitô giáo, đây là một lời mời gọi đón nhận hồng ân hơn là một sự áp đặt nghĩa vụ. Thiên Chúa bày tỏ tình yêu của Ngài cho con người khi ban Con Một của Ngài cho nhân loại. Con người được mời gọi sống yêu thương để đáp trả lại tình yêu thương.

Một vài nhận xét

Đối với người Kitô hữu, quan niệm về Thiên Chúa là một trong những nhân tố quyết định đến tâm thế sống đạo.

Nếu Thiên Chúa được “quan niệm” là quan tòa nghiêm khắc, một quyền năng đầy yêu sách (Thiên Chúa của Lễ luật), một mối đe dọa; hệ quả là tín đồ vì sợ hãi mà tìm cách bảo vệ, che chắn, lập “công trạng” bằng cách thực hiện (đầy ép buộc) những gì mà luật lệ tôn giáo đã đề ra. Thiết nghĩ, đây là một tâm thế sống đạo thiếu tự do và tình yêu. Ở góc độ tôn giáo học, có thể xếp tâm thế sống đạo này thuộc dạng thức tôn giáo của sự sợ hãi. Tâm thế sống đạo này đã bị Đức Kitô lên án, khi ngài phê phán thói đạo đức giả, lối thực hành tôn giáo vụ luật của giới Kinh sư và Biệt phái sống vào thời của Ngài. Việc thực hiện những gì luật dạy chỉ có ý nghĩa khi được đặt trên nền tảng của đức tin, sự tự do và tình yêu mến.

Nếu Thiên Chúa được “quan niệm” thuần túy là một quyền lực có thể đem lại lợi ích cho con người, người đi theo niềm tin này sẽ mãi miết đi tìm những phương tiện tôn giáo để tác động lên thần tính, nghĩa là tìm cách nắm lấy Thiên Chúa, hòng thu được quyền năng làm lợi cho mình và thỏa mãn những ước muốn của mình. Dạng thức này có thể coi thuộc nhóm tôn giáo của lợi ích.

Trong khi đó, Kinh Thánh giới thiệu về “Thiên Chúa là tình yêu”, và như vậy, tình yêu đối với người Kitô hữu không chỉ là một đòi hỏi của lối sống, mà đồng thời là một lẽ sống. Lẽ sống của người Kitô hữu là “nên hoàn thiện, như Cha anh em trên trời là Đấng hoàn thiện” (Mt 5,48), như vậy mục đích tối hậu của đời sống người Kitô hữu là trở nên “đồng hình đồng dạng” với Thiên Chúa, đáng là tình yêu và sự

thiện tuyệt đối. Ở đây, Thiên Chúa chính là cái Thiện tuyệt đối. Cái Thiện này lại đồng nhất với Tình yêu, mà “yêu thương thì chu toàn Lễ luật”. Vậy lễ luật theo đúng nghĩa cũng chính là con đường tình yêu Thiên Chúa dành cho con người. Trên con đường “trở nên hoàn thiện” đó, con người tiến bước với tâm thế tự do, được giải phóng khỏi nỗi sợ hãi, được mời gọi tin thác sự yêu đuối, mỏng giòn, giới hạn của mình trong sự quan phòng yêu thương của Thiên Chúa, với một niềm lạc quan, hy vọng. Hoa trái họ cảm nếm là sự bình an, hoan lạc sâu xa.

Tuy nhiên, tin vào Thiên Chúa là tình yêu không phải là việc dễ dàng khi con người phải đụng chạm đến vô vàn những đau khổ, sự dữ trên đời, và vấn nạn về một Thiên Chúa “vắng mặt”. Francois Varone viết: “Lòng tham, bạo lực và sự thống trị xem ra vẫn đang ngự trị trên xã hội và trên toàn thế giới. Nhưng việc cai quản công bình của Thiên Chúa chắc là chưa bao giờ có, việc Quan phòng khôn ngoan của Đấng Toàn năng chắc là chưa bao giờ có! Ngay lúc này, rất nhiều đàn ông, đàn bà khắp thế giới... nhìn thấy khát vọng sống của mình bị nghiền nát, bị hủy hoại. Thiên Chúa phải can thiệp chứ. Họ cầu khẩn Ngài. Và không thấy gì. Quả thật Thiên Chúa vắng mặt ấy đặt ra lắm vấn đề”⁷.

Đi tìm câu trả lời cho nguyên nhân sự dữ là cần thiết để có thể chống lại và loại trừ sự dữ. Tuy nhiên, cho đến nay, các nhà thần học Kitô giáo chưa thể đưa ra câu trả lời rõ ràng về nguồn gốc và ý nghĩa của vấn nạn sự dữ (có những sự dữ vượt ra khỏi cách lý giải nhân quả thông thường). Vấn nạn sự dữ đã khiến Thiên Chúa bị “đặt vấn đề”: Hoặc Ngài không tồn tại? Hoặc Ngài tồn tại nhưng không toàn năng? Hoặc Ngài toàn năng nhưng không yêu thương?... Ở những chiều kích đặc biệt, Kitô giáo coi sự dữ là một huyền nhiệm (huyền nhiệm sự dữ)⁸. Đối với vấn nạn sự dữ, chính Đức Kitô đã chỉ ra một hướng tiếp cận có giá trị thực tiễn, khi Ngài trả lời những người chất vấn Ngài: “Thưa Thầy, ai đã phạm tội khiến người này sinh ra đã bị mù, anh ta hay cha mẹ anh ta?” Đức Giêsu trả lời: “Không phải anh ta, cũng chẳng phải cha mẹ anh ta đã phạm tội. Nhưng sở dĩ như thế là để thiên hạ nhìn thấy công trình của Thiên Chúa được tỏ hiện nơi anh” (Ga 9, 2-3).

Nguyên nhân sự dữ cần được nhận thức, nhưng quan trọng không kém là phải hành động chống lại sự dữ. Bằng chính cuộc đời của mình, Đức Kitô đã chỉ ra con đường phải liên lý đối mặt, chiến đấu với sự dữ, với những cám dỗ làm điều xấu, để cái thiện được tỏ hiện. Đó cũng chính là con đường trở nên công chính của mỗi cá nhân, hầu từng bước loại bỏ cái xấu ác ra khỏi đời sống xã hội. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Viện Hồ Chí Minh (1993), *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh*, tập 2, Hà Nội: 134.
- 2 Trong tiếng Hy Lạp, có nhiều từ diễn tả về “tình yêu”: *Storgê* chỉ về những tình cảm thân mật, tình yêu vợ chồng, tình bạn bè hay đồng bào; *eros* ám chỉ tình ái say đắm cuồng nhiệt, theo nghĩa tình dục, đôi khi là đam mê nghệ thuật; *Philia* chỉ về tình cảm nồng nhiệt của thần linh dành cho con người, hoặc tình bằng hữu, có phong thái thanh tao, vị tha; *Agape* hàm nghĩa tình yêu cao thượng, ý chỉ dẫn đến hành động. *Agape* được sử dụng nhiều trong sách Tân Ước.
- 3 Các trích đoạn Kinh Thánh lấy từ *Kinh Thánh, ấn bản 2011*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
- 4 Mặc khải: *mặc* chỉ về những sự huyền nhiệm, vượt quá trí hiểu con người; *khải* là sự mở ra, sự tỏ bày. Mặc khải là việc Thiên Chúa tỏ bày cho con người biết về điều bí nhiệm vượt quá trí hiểu của con người.
- 5 Mẫu nhiệm được hiểu là điều sâu xa, vượt quá trí hiểu của con người, cần đến sự mặc khải của Thiên Chúa. Ba mẫu nhiệm chính của Kitô giáo: Mẫu nhiệm Một Chúa Ba Ngôi, Mẫu nhiệm Ngôi Hai xuống thế làm người, Mẫu nhiệm Ngôi Hai cứu chuộc.
- 6 Dẫn theo: Phan Tấn Thành (2015), *Các nhân đức Kitô giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 326.
- 7 Francois Varone (Vĩnh An dịch, 2016), *Vấn đề từ Thiên Chúa vắng mặt - Tôn giáo, thuyết vô thần và đức tin: ba cái nhìn về mẫu nhiệm*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội: 9.
- 8 Xem: Daniel Foucher (2005), *Gióp và huyền nhiệm sự dữ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.